

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-HĐXD

Khánh Hòa, ngày tháng 11 năm 2024

V/v Công bố đơn giá nhân công
xây dựng; giá ca máy và thiết bị
thi công trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị chủ đầu tư;
- Các đơn vị tư vấn đầu tư xây dựng.

Ngày 25/11/2024, Sở Xây dựng đã ban hành văn bản số 4456/SXD-HĐXD v/v Công bố đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên qua rà soát nhận thấy việc xác định địa bàn vùng II, vùng III, vùng IV trên địa bàn tỉnh cần cập nhật theo quy định tại Phụ lục được ban hành kèm Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Do đó, Sở Xây dựng điều chỉnh công bố đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh năm 2024 được ban hành kèm văn bản số 4456/SXD-HĐXD ngày 25/11/2024 như sau:

❖ Điều chỉnh điểm 2.1 Mục 2

2.1 Đơn giá nhân công xây dựng:

Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024 áp dụng cho 3 vùng:

- Vùng II gồm: Thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, **thị xã Ninh Hòa.**
- Vùng III gồm: Huyện Cam Lâm, huyện Diên Khánh, huyện Vạn Ninh;
- Vùng IV gồm: huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nhóm nhân công	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân (VNĐ/ ngày công)		
			Vùng II	Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
I	Nhóm nhân công xây dựng				
1	Nhóm I	3,5/7	247.000	234.000	225.000
2	Nhóm II	3,5/7	277.000	262.000	249.000

3	Nhóm III	3,5/7	284.000	267.000	257.000
4	Nhóm IV				
4.1	Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	293.000	275.000	264.000
4.2	Lái xe	2/4	293.000	275.000	264.000
II	Nhóm nhân công khác				
1	Vận hành tàu, thuyền				
1.1	Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	409.000	395.000	380.000
1.2	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2,0/4	349.000	331.000	321.000
1.3	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	1,5/2	366.000	351.000	342.000
1.4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển	1,5/2	392.000	383.000	
2	Thợ lặn	2/4	581.000	560.000	544.000
3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	302.000	288.000	279.000
4	Nghệ nhân	1,5/2	568.000	526.000	500.000

(Chi tiết các bậc thợ, bậc kỹ sư, bậc nghệ nhân xem Phụ lục đính kèm).

❖ Các nội dung còn lại của văn bản số 4456/SXD-HĐXD ngày 25/11/2024 tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được công bố.

Sở Xây dựng kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử SXD;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, HĐXD.Linh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Tiến